TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-ST
Ngày: 08-7-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc;

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ– Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Đỗ Hiệp P**, sinh năm 1995 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: Ấp D, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: - Bà **Đỗ Thị D1**, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

- Ông **Phan Văn Tú A**, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản làm việc; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D là ông Đỗ Hiệp P trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2022, ông Phan Văn Tú A và bà Đỗ Thị D1 có mua thức ăn chăn nuôi gà của ông Nguyễn Thanh D nhằm phát triển kinh tế gia đình. Các bên thỏa thuận khi ông Tú A và bà D1 nuôi một bầy gà, ông Tú A và bà D1 đưa trước cho ông D 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ông D giao thức ăn chăn nuôi gà cho ông Tú A và bà D1 trừ dần vào số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này; sau khi trừ hết số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này, ông D vẫn giao tiếp thức ăn chăn nuôi gà cho ông Tú A và bà D1, đồng ý cho nợ lại, đến cuối bầy gà thì ông Tú A và bà D1 sẽ trả số tiền còn nợ lại này cho ông D. Mỗi lần lấy thức ăn từ ông D, ông Tú A và bà D1 đều có ký xác nhận vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ. Tuy nhiên, sau khi bán gà xong thì ông Tú A và bà D1 không trả đủ số tiền còn nợ lại cho ông D. Tính đến ngày 07/6/2023, ông Tú A và bà D1 còn nợ ông D số tiền là 21.780.000 (hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng đến nay chưa trả. Sau đó, ông Tú A và bà D1 tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi của ông D và không trả đủ số tiền còn nợ lại cho ông D. Tính đến ngày 05/01/2023, ông Tú A và bà D1 còn nợ ông D số tiền là 128.533.000 (một trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng đến nay chưa trả. Tổng cộng ông Tú A và bà D1 còn nợ ông D số tiền là 150.313.000 (một trăm năm mươi triệu ba trăm mươi ba nghìn) đồng.

Ông D đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Tú A và bà D1 trả các số tiền nợ trên nhưng ông Tú A và bà D1 không trả. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả tổng số tiền là 150.313.000 (một trăm năm mươi triệu ba trăm mươi ba nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, ông D tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả số tiền là 10.260.000 (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng, chỉ yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả tổng số tiền là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn ông Phan Văn Tú A trình bày:

Cách nay khoảng 01 năm mấy (thời gian cụ thể thì ông không nhớ), ông và bà D1 có mua thức ăn chăn nuôi gà của ông D. Các bên thỏa thuận khi ông bà nuôi một bầy gà, ông bà đưa trước cho ông D 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ông D giao thức ăn chăn nuôi gà cho ông bà, trừ dần vào số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này; sau khi trừ hết số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này, ông D vẫn giao tiếp thức ăn chăn nuôi gà cho ông bà, đồng ý cho nợ lại, đến cuối bầy gà thì ông bà trả số tiền còn nợ lại này cho ông D. Khi cần thức ăn chăn nuôi gà, ông bà điện thoại cho ông D, ông D cho người chở đến nhà ông bà. Mỗi lần giao thức ăn chăn nuôi gà, các bên có ký vào sổ theo dõi và mỗi bên giữ một sổ.

Lúc đầu, ông và bà D1 vẫn trả đủ tiền cho ông D. Đến khoảng năm 2022, giá gà bị giảm, ông bà mới không có khả năng trả tiền cho ông D và đến nay vẫn còn nợ

tiền của ông D. Tuy nhiên, sổ theo dõi do bà D1 giữ và quản lý nên ông không xác định được chính xác số tiền ông bà còn nợ ông D là bao nhiêu.

Đối với hai sổ theo dõi mua bán thức ăn mà ông D cung cấp cho Tòa án, phải đợi bà D1 về so sánh với sổ do bà D1 giữ thì mới chính xác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, ông và bà D1 đồng ý trả số nợ mua bán thức ăn chăn nuôi gà cho ông D. Tuy nhiên, để ông bà xác định lại chính xác số nợ là bao nhiêu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà D1 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của D, buộc ông Tú A và bà D1 liên đới trả cho ông D số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng, ghi nhận ông D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả số tiền 10.260.000 (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông Phan Văn Tú A và bà Đỗ Thị D1 liên đới trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại; ông Tú A và bà D1 đang cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Các bị đơn ông Tú A và bà D1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Tú A và bà D1.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D:

Ông D và ông Tú A thống nhất là ông Tú A và bà D1 có mua thức ăn chăn nuôi của ông D để chăn nuôi gà, phát triển kinh tế gia đình; các bên thỏa thuận khi ông Tú A và bà D1 nuôi một bầy gà, ông Tú A và bà D1 đưa trước cho ông D 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ông D giao thức ăn chăn nuôi gà cho ông Tú A và bà D1 trừ dần vào số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này, sau khi trừ hết số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này, ông D vẫn giao tiếp thức ăn chăn nuôi gà cho ông Tú A và bà D1, đồng ý cho nợ lại, đến cuối bầy gà thì ông Tú A và bà D1 sẽ trả số tiền còn nợ lại này cho ông D; mỗi lần lấy thức ăn từ ông D, ông Tú A và bà D1 đều có ký xác nhận vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ.

Thỏa thuận mua bán trên của các bên tuy không lập thành văn bản mà bằng lời nói nhưng các bên có lập sổ theo dõi, ông D và ông Tú A đều thừa nhận. Đối với bà D1, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D nhưng bà đều vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định thỏa thuận mua bán trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại phiên tòa, ông D tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả số tiền là 10.260.000 (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng theo sổ theo dõi có tiêu đề "D1 T (Cầu U)". Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông D.

Ông D yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả cho ông tổng cộng số tiền là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng theo 02 sổ theo dõi mua bán thức ăn mà ông đã cung cấp cho Tòa án. Xét sổ theo dõi có tiêu đề "D1 (T)" mà ông D cung cấp cho Tòa án thể hiện: từ ngày 09/01/2022 đến ngày 17/5/2022, ông D cho bán thức ăn chăn nuôi cho ông Tú A và bà D1 nhiều lần, mỗi lần giao thức ăn bà D1 đều có xác nhận và ghi rõ họ tên vào sổ theo dõi; đến ngày 17/5/2022 bà D1 xác nhận còn nợ lại số tiền 141.780.000 (một trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng; từ ngày 29/5/2022, bà D1 đã trả được số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, còn nợ lại 41.780.000 (bốn mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng; ngày 07/6/2022, bà D1 đã trả được số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, còn nợ lại 21.780.000 (hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi

nghìn) đồng. Xét sổ theo dõi có tiêu đề "D1 T (Cầu U)" mà ông D cung cấp cho Tòa án thể hiện: từ ngày 19/7/2022 đến ngày 21/12/2022, ông D có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Tú A và bà D1 nhiều lần, mỗi lần giao thức ăn ông Tú A hoặc bà D1 đều có xác nhận và ghi rõ họ tên vào sổ theo dõi; đến ngày 21/12/2022 còn nợ lại số tiền 228.273.000 (hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) đồng; đến ngày 01/01/2023, ông Tú A đã trả được số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng; đến ngày 04/01/2023 ông Tú A và bà D1 đã trả được số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; đến ngày 05/01/2023 ông Tú A và bà D1 đã trả được số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, còn nợ lại 118.273.000 (một trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tú A thừa nhận còn nợ tiền mua bán thức ăn chăn nuôi của ông D nhưng phải chờ bà D1 về xác nhận lại số nợ chính xác do bà D1 là người giữ sổ. Tòa án đã thông báo yêu cầu ông Tú A và bà D1 cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và nhiều lần mời ông bà đến Tòa án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D nhưng ông bà không cung cấp ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt nhiều lần tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Do đó, có căn cứ xác định ông Tú A và bà D1 còn nợ tiền mua bán thức ăn chăn nuôi của ông D tổng cộng là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng. Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự thì việc ông D yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả tổng số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D, buộc ông Tú A và bà D1 liên đới trả tổng số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng; đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D về việc yêu cầu ông Tú A và bà D1 liên đới trả số tiền 10.260.000 (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D được chấp nhận, buộc ông Tú A và bà D1 liên đới trả tổng số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.003.000 (bảy triệu không trăm lẻ ba nghìn) đồng do các bị đơn ông Tú A và bà D1 phải liên đới nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D:

Buộc ông Phan Văn Tú A và bà Đỗ Thị D1 liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh D tổng số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 140.053.000 (một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng, ghi nhận ông Nguyễn Thanh D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu ông Phan Văn Tú A và bà Đỗ Thị D1 liên đới trả số tiền 10.260.000 (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng theo sổ theo dõi mua bán thức ăn có tiêu đề "D1 T (Cầu U)".

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.003.000 (bảy triệu không trăm lẻ ba nghìn) đồng do ông Phan Văn Tú A và bà Đỗ Thị D1 phải liên đới nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh D số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 3.757.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002572 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến